TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 198/2019/QĐST-HNGĐ	*Triệu Sơn, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1988

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2, xã S, huyện S, tỉnh H.

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Mai Xuân T, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn 2, xã S, huyện S, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 38,55, 58, 59,81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a, đ khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 09 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 09 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Công nhận cháu Mai Thiên Â, sinh ngày 14/02/2017 là con chung của anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị H. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Mai Thiên Â cho mẹ cháu là chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu thành niên, anh Mai Xuân T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngành đồng), kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con thành niên. Anh Mai Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Tài sản chung của vợ chồng Thống nhất phần của chị Phạm Thị H gồm: Gần 200 đôi chim và lồng + phụ kiện trị giá: 20.000.000đ; Bộ nồi nấu rượu trị giá: 5.500.000đ x70% = 3.850.000đ; Ghế cắt tóc trị giá: 1.200.000đx70% = 840.000đ; Máy làm ruốc trị giá :750.000đ x 70% = 525.000đ; Tủ nhôm kính trị giá: 2.500.0000 x 70% = 1.750.000đ; Tủ lạnh trị giá 9.500.000đ x 70%= 6.650.000đ; Bếp ga: 700.000đ x 70= 490.000đ. Và anh Mai Xuân Thảnh phải thanh toán lại cho chị Phạm Thị Hoài số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) phần chênh lệch (trong số tiền này còn có cả 29.162.700đ "hai chín triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng" là tiền sổ tiết kiệm được chia đôi). Tổng trị giá Toàn bộ chị Hoài được hưởng là 73.105.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm linh năm nghìn đồng). Ngoài ra còn một số tài sản khác anh T sẽ cho chị H các đồ dùng như quần áo, chăn ga, gối đệm, gường và bộ nồi đồ xôi, máy say sinh tố, sổ nợ, hàng tạp hóa nếu có.

Phần của anh Mai Xuân T gồm: Máy ép nước mía + dập cốc; máy ép bánh mỳ; tủ nhựa đựng quần áo; ti vi; 70 m2 bắn tôn sàn; cửa cuốn + tu sửa cửa hàng; quạt hơi nước và số tiền 29.162.700đ (hai chín triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng) là một nữa tiền sổ tiết kiệm. Tổng trị giá của anh Mai Xuân T được hưởng là 73.105.000đ (bảy mươi ba triệu một trăm linh năm nghìn đồng).

*** Về án phí:**

Anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị H tự nguyện thống nhất thỏa thuận mỗi người phải chịu án phí phần của mình cụ thể:

Anh Mai Xuân T phải chịu án phí là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là

150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 1.827.600đ (một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H phải chịu án phí là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.827.600đ (một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đ□ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.430.000đ (mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trả cho chị H số tiền 8.527.400đ (tám triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003577 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh H.

Chi phí định giá tài sản chị Phạm Thị H đã nộp, hai bên đương sự thống nhất tự nguyện tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Đại Long